Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ
Digitally signed by Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ
DN: c=VN, o=UBND thành phố Cần Thơ, l=Cần Thơ, cn=Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ
Date: 2021.03.16 14:23:36 +07'00'

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04 /2021/QĐ-UBND	*Cần Thơ, ngày 10 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chế độ báo cáo định kỳ của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Quyết định này không điều chỉnh:

a) Chế độ báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê;

b) Chế độ báo cáo mật theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước;

c) Chế độ báo cáo trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước;

d) Chế độ báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề và các báo cáo khác thực hiện theo yêu cầu, lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành.

Điều 3. Tên báo cáo, nội dung yêu cầu báo cáo, đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo

Tên báo cáo, nội dung yêu cầu báo cáo, đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo được quy định tại Danh mục báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn thành phố Cần Thơ được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Hình thức báo cáo và phương thức gửi, nhận báo cáo

1. Hình thức báo cáo:

Báo cáo phải được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử.

2. Phương thức gửi, nhận báo cáo:

Báo cáo của các ngành, địa phương được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

a) Gửi qua hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của thành phố;

b) Gửi qua hệ thống thư điện tử;

c) Gửi qua Fax;

d) Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

đ) Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo và các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thời gian chốt số liệu báo cáo

1. Đối với báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố áp dụng theo Điều 12 của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

2. Đối với các báo cáo định kỳ khác, các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Thời hạn gửi báo cáo

1. Các ngành, địa phương được Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao chủ trì, phối hợp để tổng hợp báo cáo gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố vào các thời điểm sau:

a) Báo cáo tháng: Gửi chậm nhất vào ngày 20 hàng tháng.

b) Báo cáo quý: Gửi chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối quý.

c) Báo cáo 6 tháng:

- Báo cáo 6 tháng đầu năm gửi chậm nhất vào ngày 20 tháng 6 hàng năm.

- Báo cáo 6 tháng cuối năm gửi chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hàng năm.

- Báo cáo 9 tháng đầu năm gửi chậm nhất vào ngày 20 tháng 9 hàng năm.

d) Báo cáo năm: Gửi chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hàng năm.

2. Thời hạn gửi các kỳ báo cáo vào các thời điểm sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn thành phố, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có liên quan gửi báo cáo cho cơ quan, ban, ngành chủ trì tổng hợp chậm nhất vào ngày 17 của tháng cuối kỳ báo cáo;

b) Trường hợp thời hạn báo cáo định kỳ trùng vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời hạn nhận báo cáo định kỳ được tính vào ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ đó.

3. Các báo cáo định kỳ khác, các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định của cơ quan yêu cầu báo cáo.

Điều 7. Chế độ xử lý thông tin, báo cáo

1. Đối với báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổng hợp thành báo cáo chung.

2. Đối với các báo cáo định kỳ khác, Ủy ban nhân dân thành phố giao cho sở, ngành nào chủ trì thì sở, ngành đó có trách nhiệm xử lý thông tin và tổng hợp thành báo cáo chung của thành phố.

Điều 8. Danh mục báo cáo định kỳ, mẫu đề cương báo cáo, biểu mẫu số liệu báo cáo

1. Ban hành kèm theo Quyết định này:

a) Danh mục báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Phụ lục I);

b) Mẫu đề cương báo cáo, biểu mẫu số liệu báo cáo (Phụ lục II).

2. Công bố Danh mục báo cáo định kỳ

a) Danh mục báo cáo định kỳ được công bố trên Cổng thông tin điện tử thành phố Cần Thơ. Nội dung công bố gồm: Tên báo cáo, đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo, đề cương, biểu mẫu báo cáo và văn bản quy định chế độ báo cáo;

b) Danh mục báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố phải được cập nhật, công bố thường xuyên khi có sự thay đổi.

Các sở, ban, ngành thành phố được giao chủ trì thực hiện các chế độ báo cáo định kỳ theo Danh mục được ban hành kèm theo Quyết định này chủ động phối hợp với Văn phòng: Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố thường xuyên rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục báo cáo định kỳ đảm bảo phù hợp với yêu cầu phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước của thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 9. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo

1. Các ngành, địa phương có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo và tiết kiệm thời gian, chi phí trong quá trình thực hiện báo cáo.

2. Giá trị pháp lý của báo cáo điện tử và việc sử dụng chữ ký số, xây dựng các biểu mẫu điện tử thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Điều 10. Yêu cầu về chức năng cơ bản của Hệ thống thông tin báo cáo

Hệ thống thông tin báo cáo thành phố được xây dựng trên cơ sở chế độ báo cáo do địa phương ban hành, trong đó phải bảo đảm chức năng hỗ trợ tạo lập chỉ tiêu, báo cáo theo biểu mẫu trên hệ thống; bảo đảm khả năng phân bổ chỉ tiêu, biểu mẫu báo cáo từ Ủy ban nhân dân thành phố xuống các cơ quan, đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân có liên quan; tổng hợp số liệu báo cáo; cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng để cập nhật, chia sẻ số liệu báo cáo theo quy định và phục vụ báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Hạ tầng kỹ thuật, công nghệ

Hạ tầng kỹ thuật kết nối Hệ thống thông tin báo cáo cấp thành phố phải được duy trì ổn định, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

Điều 12. Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp thành phố

Hệ thống thông tin báo cáo cấp thành phố xây dựng theo Kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 13. Quyền của các ngành, địa phương trong việc khai thác, sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo của thành phố

1. Các ngành, địa phương được quyền khai thác cơ sở dữ liệu về thông tin báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của thành phố theo phân cấp quản lý.

2. Các ngành, địa phương tham gia thu thập, xử lý, cập nhật thông tin báo cáo được truy cập và khai thác cơ sở dữ liệu theo phân quyền; được quyền trích xuất dữ liệu do mình trực tiếp cập nhật để tổ chức thành bộ dữ liệu riêng phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo điều hành của mình.

Điều 14. Trách nhiệm công khai, chia sẻ thông tin báo cáo

Áp dụng quy định theo điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 22 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, công chức và cá nhân, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện chế độ báo cáo

Áp dụng theo Điều 23 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 16. Kinh phí thực hiện

Áp dụng theo Điều 31 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 3 năm 2021.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Các ngành và địa phương, các cá nhân, tổ chức có liên quan thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ theo Quyết định này; chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thường xuyên tổ chức rà soát chế độ báo cáo định kỳ để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu của Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các sở, ngành và địa phương trong thực hiện Quyết định này;

b) Thường xuyên rà soát chế độ báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, đáp ứng các yêu cầu tại Quyết định này;

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng biểu mẫu đề cương báo cáo, công bố danh mục báo cáo định kỳ tại Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử của thành phố theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức xây dựng, quản lý và vận hành các Hệ thống thông tin báo cáo theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông. Hướng dẫn, tổ chức tập huấn cho các đối tượng thực hiện báo cáo;

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế vận hành Hệ thống thông tin báo cáo thành phố.

3. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, Hướng dẫn thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn thông tin cho Hệ thống thông tin báo cáo thành phố hoạt động ổn định, liên tục và tin cậy để phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ ngân sách hàng năm để đảm bảo cho việc xây dựng và duy trì hoạt động của Hệ thống thông tin báo cáo; hướng dẫn các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn lập dự toán nguồn kinh phí phục vụ việc thực hiện chế độ báo cáo./.

Nơi nhận:
- VP. Chính phủ (HN-TP.HCM);
- Các Bộ: Tư pháp (Cục KTVB), Nội vụ;
- TT. Thành ủy; TT. HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- TT. UBMTTQ, các đoàn thể TP;
- Các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn thành phố;
- Sở, ban ngành thành phố;
- Website Chính phủ; Báo Cần Thơ;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH, HĐND TP;
- HĐND và UBND quận, huyện, xã, phường, thị trấn;
- VP UBND thành phố (2,3,4,5,6,7);
- Cổng TTĐT TP; Công báo TP;
- Lưu VT.P.Cao.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Việt Trường